

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2023/HSST

Ngày 14-8-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Đ

Ông Võ Hoàng,

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Dũng – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 61/2023/TLST-HS ngày 19 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 21/10/1998 tại Thanh Hóa. Nơi thường trú: tổ dân phố 7, phường QC, thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện tại: 172/11 TC, phường TB, thành phố PL, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Đ1; sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú ngày 05/01/2023 và bị tạm giữ, tạm giam đến ngày 04/4/2023 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Phạm Thị Minh Th, sinh năm 1980, vắng mặt
Trú tại: thôn LT, xã BG, huyện CP, tỉnh Gia Lai
2. Chị Ngô Thị Kim O, sinh năm 1982, vắng mặt
Trú tại: thôn 1 xã TH, huyện CP, tỉnh Gia Lai.
3. Anh Hoàng Văn Th, sinh năm 1983, vắng mặt
Trú tại: hẻm 308/44 PĐP, thành phố PL, tỉnh Gia Lai.
4. Anh Nguyễn Tấn B, sinh năm 1991, vắng mặt
Trú tại: thôn CK, xã ĐY, huyện MY, tỉnh Gia Lai.
5. Chị Nguyễn Thiên Th, sinh năm 1984, vắng mặt
Trú tại: 62 VC, thôn 2, xã TĐ, thành phố PL, tỉnh Gia Lai.
6. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975, vắng mặt
Trú tại: tổ 7, phường TN, thành phố PL, tỉnh Gia Lai.
7. Anh Đậu Hoàng Yên S, sinh năm 1986, có mặt

Trú tại: 35 TVD, phường HL, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 8. Anh Trịnh Công Ph, sinh năm 1992, vắng mặt
 Trú tại: 28/5 NT, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 9. Chị Dương Thị Bích H, sinh năm 1996, vắng mặt
 Trú tại: 144/45/21 NGK, phường TB, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 10. Chị Nguyễn Thị Phương X, sinh năm 1991, vắng mặt
 Trú tại: 328 LDH, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 11. Chị Nguyễn Phi Thúy H, sinh năm 1981, vắng mặt
 Trú tại: thôn 2, DP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 12. Chị Lý Thị Kim H, sinh năm 1982, vắng mặt
 Trú tại: thôn 7, xã AP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 13. Chị Lê Thị Tuyết Nh, sinh năm 1991, vắng mặt
 Trú tại: thôn 7, xã NH, huyện ChP, tỉnh Gia Lai
 14. Chị Phan Thị Hồng H1, sinh năm 1991, vắng mặt
 Trú tại: thôn 1, xã BH, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 15. Chị Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1999, vắng mặt
 Trú tại: tổ 4, phường CL, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 16. Anh Phạm Ngọc D, sinh năm 1985, vắng mặt
 Trú tại: tổ 4, phường TL, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 17. Anh Trương Việt B, sinh năm 1986, vắng mặt
 Trú tại: tổ 5, phường HP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 18. Chị Nguyễn Thị Thúy H2, sinh năm 1982, vắng mặt
 Trú tại: TDP 7, thị trấn IK, huyện IG, tỉnh Gia Lai
 19. Chị Võ Thị Tuyết M, sinh năm 1986, vắng mặt
 Trú tại: TDP 3, thị trấn KG, huyện MY, tỉnh Gia Lai
 20. Chị Nguyễn Thị Trúc H3, sinh năm 1979, vắng mặt
 Trú tại: 195/10 TQC, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 21. Chị Nguyễn Thị Thanh Th, sinh năm 1993, vắng mặt
 Trú tại: 331 CMT8, phường HL, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.
 22. Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1989, vắng mặt
 Trú tại: 12/12/323 TP, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 6/2022, Nguyễn Văn Đ từ thành phố TH, tỉnh Thanh Hóa chuyển đến sinh sống và thuê nhà ở trọ tại 172/11 TC, phường TB, thành phố Pl, tỉnh Gia Lai với mục đích thực hiện hoạt động cho vay tiền lấy lãi suất. Đ sử dụng sim số điện thoại 0384692996 (sim không đăng ký chính chủ, được Đ mua tại một cửa hàng điện thoại trên thành phố Pl, đã được kích hoạt sẵn) lên mạng xã hội Facebook lập các trang có tên “Hội Góp Ngày Pleiku 0384692996”, “Vay Nhanh Góp Ngày Pleiku - 038.4692996”, “Hỗ Trợ Vay Nhanh Góp Ngày Gia Lai - 0384.692.996” và phát các tờ rơi trên đường để những người có nhu cầu vay liên hệ. Khi người có nhu cầu vay thì Đ sẽ đến nhà xác minh thông tin, địa chỉ. Sau đó Đ cho vay các gói vay gốc từ 3.000.000đ đến 35.000.000đ/ gói vay, trả góp lãi và

gốc theo ngày, trong thời hạn vay từ 19 đến 25 ngày/gói vay, số tiền trả góp hàng ngày từ 200.000đ đến 2.100.000đ/ngày, lãi suất tương ứng từ 360% đến 685,8%/năm. Đ yêu cầu người vay thế chấp các giấy tờ tùy thân (CMND, CCCD, Giấy phép lái xe; Giấy đăng ký xe). Tiền vay gốc chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt cho người vay. Đ thu trước của khách hàng tiền trả góp 02 ngày (ngày đầu ngày cuối) và tiền phí (tương đương 01 ngày trả góp). Khách hàng vay trả góp hàng ngày chủ yếu bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản cá nhân của Đ (STK: 3232199766666, ngân hàng TMCP Quân đội). Đối với những người vay chưa trả góp đủ kỳ vay, Đ cho đáo hạn lại khoản vay, tuy nhiên số tiền thực nhận của kỳ vay mới = Số tiền vay gốc (sau khi trừ tiền trả góp ngày đầu + ngày cuối + tiền phí) trừ đi số ngày trả góp còn thiếu của kỳ vay cũ. Qua sao kê tài khoản ngân hàng của Đ thể hiện từ đầu tháng 7/2022 đến ngày 04/01/2023, Đ đã cho 22 người vay, thu tiền trả góp gốc, lãi qua chuyển khoản là 1.111.060.000 đồng; trong đó lãi đã thu 233.908.385 đồng; thu lợi bất chính số tiền 223.516.656 đồng, cụ thể như sau:

1. Từ ngày 04/7/2022 đến 07/12/2022, Phạm Thị Minh Th (trú tại thôn LT, xã BG, huyện CP) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Thủy đã trả tiền gốc, tiền lãi 79.400.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính là 15.656.238đ.

2. Từ ngày 05/7/2022 đến 22/11/2022, chị Ngô Thị Kim O (trú tại thôn 1 xã Thắng Hưng, huyện Chư Prông) vay trả góp các gói 20.000.000đ, 15.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Oanh đã trả tiền gốc, tiền lãi 121.400.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 23.937.875đ.

3. Từ ngày 26/9/2022 đến 29/12/2022 anh Hoàng Văn Th (trú tại hẻm 308/44 Phan Đình Phùng, Pleiku) vay trả góp các gói vay 10.000.000đ, 20.000.000đ, 30.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Anh Thái đã trả tiền gốc, tiền lãi 111.900.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 22.064.647đ; Số tiền anh Thái còn nợ chưa trả 26.666.672đ.

4. Từ ngày 11/9/2022 đến 02/12/2022, anh Nguyễn Tấn B (trú tại thôn CK, xã ĐY, huyện MY) vay gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Anh Bình đã trả tiền gốc, tiền lãi 37.920.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 7.477.135đ.

5. Từ ngày 09/8/2022 đến 13/12/2022, Nguyễn Thiên Th (trú tại 62 VC, thôn 2, xã TĐ, Pleiku) vay trả góp gói 20.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Thư đã trả tiền gốc, tiền lãi 195.300.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 38.509.612đ. Số tiền Thư còn nợ chưa trả 25.000.005đ.

6. Từ ngày 04/7/2022 đến 31/8/2022, chị Nguyễn Thị L (trú tại tổ 7, phường TN, Pleiku) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Lý đã trả tiền gốc, tiền lãi 40.790.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 8.043.047đ. Số tiền chị Lý còn nợ chưa trả 3.809.520đ.

7. Từ ngày 05/7/2022 đến 27/7/2022, anh Đậu Hoàng Yên S (trú tại 35 TVD, phường HL, Pleiku) vay trả góp gói 15.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Anh Sơn đã trả tiền gốc, tiền lãi 23.700.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 4.673.209đ. Số tiền anh Sơn còn nợ chưa trả 4.285.710đ.

8. Từ ngày 09/7/2022 đến 06/9/2022, anh Trịnh Công Ph (trú tại 28/5 Nguyễn Thiếp, Pleiku) vay gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Anh Pha đã trả

tiền gốc, tiền lãi 22.790.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 4.493.774đ. Số tiền anh Pha còn nợ chưa trả 2.619.054đ.

9. Từ ngày 21/10/2022 đến 15/12/2022, chị Dương Thị Bích H (trú 144/45/21 Ngô Gia Khảm, Trà Bá, Pleiku) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Hồng đã trả tiền gốc, tiền lãi 16.200.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 3.194.346đ. Số tiền chị Hồng còn nợ chưa trả 2.380.950đ.

10. Từ ngày 02/8/2022 đến 08/11/2022, chị Nguyễn Thị Phương X (trú 328 LĐH, Pleiku) vay trả góp các gói 30.000.000đ, 19.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Xa đã trả tiền gốc, tiền lãi 57.830.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 10.785.557đ.

11. Từ ngày 28/11/2022 đến 28/12/2022, Nguyễn Phi Thúy H (trú tại thôn 2, DP, Pleiku) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 625,3%/năm. Hà đã trả tiền gốc, tiền lãi 22.400.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 5.310.977đ.

12. Từ ngày 04/7/2022 đến 13/10/2022, chị Lý Thị Kim H (trú tại thôn 7, xã AP, Pleiku) vay trả góp các gói 10.000.000đ, 6.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm và 685,8%/năm. Chị Hương đã trả tiền gốc, tiền lãi: 40.050.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 8.583.477đ.

13. Từ ngày 05/7/2022 đến 04/01/2023, chị Lê Thị Tuyết Nh (trú tại thôn 7 xã Nghĩa Hưng, Chư Păh) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Nhung đã trả tiền gốc, tiền lãi 95.580.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 18.846.640đ.

14. Từ ngày 05/12/2022 đến 04/01/2023, chị Phan Thị Hồng H1 (trú tại thôn 1, xã BH, Pleiku) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Hạnh đã trả tiền gốc, tiền lãi 10.800.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 3.312.655đ. Số tiền chị Hạnh còn nợ chưa trả 7.142.850đ.

15. Từ ngày 24/11/2022 đến 08/12/2022, chị Phạm Thị Thanh T (tổ 4 phường CL, Pleiku) vay trả góp gói 5.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Tâm đã trả tiền gốc, tiền lãi 3.300.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 650.700đ. Số tiền chị Tâm còn nợ chưa trả 3.571.425đ.

16. Từ ngày 30/11/2022 đến 02/01/2023, Phạm Ngọc D (trú tại tổ 4, phường TL, Pleiku) vay trả góp gói 30.000.000đ, lãi suất 600,1%/năm. Duy đã trả tiền gốc, tiền lãi 64.000.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 15.289.176đ. Số tiền anh Duy còn nợ chưa trả 12.000.000đ.

17. Từ ngày 05/11/2022 đến 27/12/2022, Trương Viết B (tổ 5, phường HP, Pleiku) vay trả góp gói 30.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Bảo đã trả tiền gốc, tiền lãi 19.700.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 3.884.482đ. Số tiền anh Bảo còn nợ chưa trả 19.999.994đ.

18. Từ ngày 27/7/2022 đến 26/8/2022, chị Nguyễn Thị Thúy H2 (trú tại TDP 7, thị trấn Ia Kha, Ia Grai) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Hoa đã trả tiền gốc, tiền lãi 17.400.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 3.430.964đ. Số tiền chị Hoa còn nợ chưa trả 3.809.520đ.

19. Từ ngày 09/7/2022 đến 06/10/2022, chị Võ Thị Tuyết M (TDP 3, thị trấn Kon Đồng, Mang Yang) vay trả góp gói 30.000.000đ, lãi suất 360%/năm. Chị Mai đã trả tiền gốc, tiền lãi 80.100.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 15.308.288đ. Số tiền chị Mai còn nợ chưa trả 10.800.000 đ.

20. Từ ngày 08/11/2022 đến 03/01/2023, chị Nguyễn Thị Trúc H3 (trú 195/10 Trần Quý Cáp, Pleiku) vay trả góp gói 10.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Hoa đã trả tiền gốc, tiền lãi 24.100.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 4.752.082đ. Số tiền chị Hoa còn nợ chưa trả 4.761.900đ.

21. Từ 12/8/2022 đến 03/8/2022, chị Nguyễn Thị Thanh Th (trú tại 331 Cách Mạng Tháng Tám, HL, Pleiku) vay trả góp gói 20.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm. Chị Thảo đã trả tiền gốc, tiền lãi 20.200.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 3.983.073đ. Số tiền chị Thảo còn nợ chưa trả 10.714.290đ.

22. Từ 18/7/2022 đến 03/8/2022, chị Nguyễn Thị Bích L (trú tại 12/12/323 Trần Phú, Pleiku) vay trả góp các gói 5.000.000đ, 3.000.000đ, lãi suất 445,7%/năm và 685,8%/năm. Chị Loan đã trả tiền gốc, tiền lãi: 6.200.000đ; số tiền Đ thu lợi bất chính 1.328.702đ. Số tiền chị Loan còn nợ chưa trả 2.428.569đ.

Tổng cộng Nguyễn Văn Đ đã cho 22 cá nhân vay và thu tiền gốc và lãi là 1.111.060.000đ; thu lợi bất chính 223.516.656đ.

Qua trình điều tra, Đ khai Đ đã dùng khoảng 100.000.000đ tiền gốc ban đầu để cho vay. Sau khi thu được tiền lãi thì Đ sử dụng tiền lãi và gốc thu được tiếp tục xoay vòng cho người khác vay. Tổng số tiền thu lợi bất chính 223.516.656đ Đ một phần sử dụng cho người khác vay lại, còn lại Đ dùng tiêu xài cá nhân.

Tại cáo trạng số 92/CT-VKS-P1 ngày 14/6/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

2. Diễn biến tại phiên tòa:

* Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và đồng ý với việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai về tội danh và điều luật áp dụng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ, phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ mức phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 250.000.000 đồng

Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

- Đối với số tiền lãi được cho phép theo quy định của pháp luật (tương ứng với mức lãi suất 20% năm) là 10.391.730 đồng do bị cáo phạm tội mà có nên đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền gốc theo gói vay lớn nhất của 22 người liên quan: là 370.000.000 đồng. Số tiền gốc mà khách hàng còn nợ chưa trả cho bị cáo là 139.990.450 đồng. Quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng 370.000.000 đồng là số tiền gốc dùng vào việc phạm tội nên buộc bị cáo nộp lại 230.009.550 đồng và 15 người đã vay nộp lại 139.990.450 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Ngô Thị Kim O số tiền 23.937.875đ, anh Nguyễn Tấn B số tiền 7.477.135đ, chị Lý Thị Kim H số tiền 8.583.477 đồng, anh Đậu Hoàng Yên S 4.673.209 đồng.

Xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu Nokia bị cáo sử dụng vào hoạt động cho vay nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm

* Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đậu Hoàng Yên S có mặt tại phiên tòa đề nghị bị cáo phải trả lại khoản tiền thu lợi bất chính và đề nghị xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

- Chị Ngô Thị Kim O, Nguyễn Tấn B, Lý Thị Kim H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có yêu cầu tại hồ sơ vụ án buộc bị cáo phải trả lại cho họ khoản lãi thu lời bất chính.

- Đối với những người liên quan còn lại không yêu cầu và có lời khai đề nghị xét xử vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Có cơ sở kết luận từ 7/2022 đến ngày 04/01/2023 Nguyễn Văn Đ cho vay bằng hình thức thế chấp giấy tờ tùy thân hoặc cho vay tín chấp với lãi suất vay từ 360% đến 685,8%/năm là mức lãi suất từ 18 lần đến 34,2 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự để thu lợi bất chính. Quá trình điều tra đã xác định Đ cho 22 người vay với tổng số vay của gói lớn nhất là 370.000.000 đồng. Trong đó, tiền thu lợi bất chính là 223.516.656 đồng, số tiền người vay còn nợ là 139.990.450 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với tình tiết định khung “Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tín dụng, lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, gây thiệt hại cho người vay một khoản lãi cao so với quy định của pháp luật, gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội, thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có đủ tác dụng cải tạo giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo thành khẩn

khai nhận hành vi phạm tội, bị cáo đã tạm nộp số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự;

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các lần cho vay thu lợi bất chính đều dưới 30.000.000 đồng nên bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”.

[4] Về hình phạt:

Bị cáo phạm vào nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tại Nghị Quyết 01/2021/NQ-HĐTP, ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về “Hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, quy định về nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội khi phạm tội nhưng không có tổ chức, không có đồng phạm, không hoạt động dưới hình thức băng, ô nhóm thì xem xét áp dụng nghiêm khắc hình phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về biện pháp tư pháp:

- Đối với khoản tiền lãi ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã thu được trong suốt quá trình cho vay là: 10.391.730 đồng buộc bị cáo nộp Ngân sách nhà nước.

- Bị cáo cho 22 khách hàng vay với tổng số tiền các gói vay lớn nhất là 370.000.000 đồng. Số tiền gốc khách hàng còn nợ là 139.990.450 đồng, bị cáo được khấu trừ số tiền này vào tiền đã cho vay. Do đó, buộc bị cáo phải nộp số tiền gốc đã cho vay là: 230.009.550 đồng.

- Đối với 15 khách hàng còn nợ tiền gốc chưa trả buộc nộp vào Ngân sách nhà nước cụ thể như sau:

Buộc anh Hoàng Văn Th nộp số tiền 26.666.672 đồng; Buộc chị Nguyễn Thiên Th nộp số tiền 25.000.000 đồng; Buộc chị Nguyễn Thị L nộp số tiền 3.809.520 đồng; Buộc anh Đậu Hoàng Yên S nộp số tiền 4.285.710 đồng; Buộc anh Trịnh Công Ph nộp số tiền 2.619.054 đồng; Buộc chị Dương Thị Bích H nộp số tiền 2.380.950 đồng; Buộc chị Phan Thị Hồng H1 nộp số tiền 7.142.850 đồng; Buộc chị Phạm Thị Thanh T nộp số tiền 3.571.425 đồng; Buộc anh Phạm Ngọc D nộp số tiền 12.000.000 đồng; Buộc anh Trương Viết B nộp số tiền 19.999.994 đồng; Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H2 nộp số tiền 3.809.520 đồng; Buộc chị Võ Thị Tuyết M nộp số tiền 10.800.000 đồng; Buộc chị Nguyễn Thị Trúc H3 nộp số tiền 4.761.900 đồng; Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Th nộp số tiền 10.714.290 đồng; Buộc chị Nguyễn Thị Bích L nộp số tiền 2.428.569 đồng.

- Có 04 khách hàng yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền thu lợi bất chính, xét yêu cầu này là hợp pháp nên buộc bị cáo phải trả cho: chị Ngô Thị Kim O số tiền 23.937.875đ, anh Nguyễn Tấn B số tiền 7.477.135đ, chị Lý Thị Kim H số tiền 8.583.477 đồng, anh Đậu Hoàng Yên S số tiền 4.673.209 đồng.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về vật chứng:

01 điện thoại di động hiệu Iphone Xs Max và 01 điện thoại di động hiệu Nokia bị cáo sử dụng trong quá trình phạm tội nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bị cáo nộp trong quá trình chuẩn bị xét xử tiếp tục tạm giữ để khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”

2. Về điều luật và hình phạt áp dụng:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35; Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ với mức Phạt tiền là **250.000.000** đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự :

3.1 Đối với bị cáo phải nộp những khoản tiền sau đây để sung vào ngân sách Nhà nước:

- Khoản tiền lãi ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 10.391.730 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi một nghìn bảy trăm ba mươi đồng).

- Số tiền gốc đã cho vay là: 230.009.550 đồng (Hai trăm ba mươi triệu không trăm không chín nghìn năm trăm năm mươi đồng).

3.2 Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau đây, buộc nộp tiền để sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

Anh Hoàng Văn Th nộp số tiền 26.666.672 đồng (Hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm bảy mươi hai đồng);

Chị Nguyễn Thiên Th nộp số tiền 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng);

Chị Nguyễn Thị L nộp số tiền 3.809.520 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi đồng);

Anh Đậu Hoàng Yên S nộp số tiền 4.285.710 đồng (Bốn triệu hai trăm tám mươi lăm nghìn bảy trăm mười đồng);

Anh Trịnh Công Ph nộp số tiền 2.619.054 đồng (Hai triệu sáu trăm mười chín nghìn không trăm năm mươi tư đồng);

Chị Dương Thị Bích H nộp số tiền 2.380.950 đồng (Hai triệu ba trăm tám mươi nghìn chín trăm năm mươi đồng);

Chị Phan Thị Hồng H1 nộp số tiền 7.142.850 đồng (Bảy triệu một trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm năm mươi đồng);

Chị Phạm Thị Thanh T nộp số tiền 3.571.425 đồng (Ba triệu năm trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng);

Anh Phạm Ngọc D nộp số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng);

Anh Trương Viết B nộp số tiền 19.999.994 đồng (Mười chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi bốn đồng);

Chị Nguyễn Thị Thúy H2 nộp số tiền 3.809.520 đồng (Ba triệu tám trăm lẻ chín nghìn năm trăm hai mươi đồng);

Chị Võ Thị Tuyết M nộp số tiền 10.800.000 đồng (Mười triệu tám trăm đồng);

Chị Nguyễn Thị Trúc H3 nộp số tiền 4.761.900 đồng (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn chín trăm đồng);

Chị Nguyễn Thị Thanh Th nộp số tiền 10.714.290 đồng (Mười triệu bảy trăm mười bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng);

Chị Nguyễn Thị Bích L nộp số tiền 2.428.569 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi tám nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng).

3.3 Buộc bị cáo trả lại cho những người có quyền lợi liên quan sau đây:

Trả cho chị Ngô Thị Kim O số tiền 23.937.875 đồng (Hai mươi ba triệu chín trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng)

Trả cho anh Nguyễn Tấn B số tiền 7.477.135 đồng (Bảy triệu bốn trăm bảy mươi bảy nghìn một trăm ba mươi lăm đồng)

Trả cho chị Lý Thị Kim H số tiền 8.583.477 đồng (Tám triệu năm trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi bảy đồng)

Trả cho anh Đậu Hoàng Yên S số tiền 4.673.209 đồng (Bốn triệu sáu trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm lẻ chín đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

5. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone , số máy MT6G2LL/A, số seri: G6TYX004KPHD, số imei 353110104401641 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen số imei 1: 356613725472765, số imei 2: 356613727472763

(Các vật chứng trên có tình trạng, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng số 100/2023 ngày 20/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Gia Lai và Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai).

- Số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) bị cáo nộp theo biên lai số 0001136 ngày 26/7/2023 của Cục thi hành án tỉnh Gia Lai tiếp tục tạm giữ để khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về thi hành án dân sự:

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- Viện KSND cấp cao
- TAND cấp cao
- Viện KSND tỉnh Gia lai;
- Công an tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Cục THADS tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu Tòa HS, VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đỗ Văn Hiên